

Số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tích

Ông Lê Huy Trọng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXX –ST ngày 02 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N - sinh năm 1986;

Bị đơn: Anh Lê Tiến T, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn L, xã M, huyện O, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và tại bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

VỀ t×nh c¶m vớ ch÷ng: Vớ ch÷ng trước khi cưới có tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh ngày 25/11/2005. Sau một khoảng thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan điểm sống trái chiều nhau khiến vợ chồng không thể hòa giải được. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, nhưng mâu thuẫn vẫn phát sinh.

Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung. Cháu lớn tên là Lê Tiến Đ, sinh ngày 10/02/2007; cháu thứ hai tên là Lê Thị O, sinh ngày 13/08/2009.

Hiện hai cháu do anh T nuôi dưỡng. Ly hôn chị N để cho anh T nuôi hai con chung và tự nguyện đóng góp nuôi con chung mỗi cháu hàng tháng là 1.500.000 đồng. Hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng. Thời điểm đóng góp nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có

Công nợ: Vợ chồng không có

Công sức: Không có.

Chị N có quan điểm trả lại anh T 30 triệu đồng, tiền anh T trả nợ hộ chị Nhung.

Anh Lê Tiến T trình bày: Vợ chồng trước khi cưới có tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh như chị N trình bày là đúng. Cưới xong thì cô N đi buôn bán thị gà nhưng bị thua lỗ nên từ năm 2012 cô N bỏ đi. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay cô N xin ly hôn, tôi đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung. Cháu lớn tên là Lê Tiến Đ, sinh ngày 10/02/2007; cháu thứ hai tên là Lê Thị O, sinh ngày 13/08/2009.

Hiện hai cháu do tôi nuôi dưỡng. Ly hôn, tôi xin nuôi hai con chung và đồng ý mức đóng góp nuôi con chung của cô N mỗi cháu hàng tháng là 1.500.000 đồng. Hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng. Thời điểm đóng góp nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Tài sản chung: không có.

Cho vay nợ và vay nợ: Không có.

Về số tiền khi cô N bỏ đi, anh T đã phải trả nợ cho cô N 30 triệu đồng. Anh T đề nghị cô N phải trả lại anh số tiền này.

Tại phiên tòa anh Lê Tiến T vẫn trình bày quan điểm như trên và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Chị N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là trầm trọng, đã có thời gian sống ly thân. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn. Đề nghị Tòa án cho chị N được ly hôn anh T.

Về con chung: Giao cho anh T nuôi hai con chung. Ghi nhận sự tự nguyện đóng góp nuôi con chung của chị N mỗi cháu hàng tháng là 1.500.000 đồng. Hai

cháu là 3.000.000 đồng/ tháng. Thời điểm đóng góp nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có.

Công nợ chung: Không có.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội giải quyết việc Ly hôn với anh Lê Tiến T.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện thanh Oai.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị N và anh Lê Tiến T trước khi cưới có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội ngày 25/11/2005. Việc kết hôn giữa hai anh chị hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân.

Xét Mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài do mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Chị N và anh T đều nhất trí ly hôn. Vì vậy cần xử cho ly hôn.

[3] Về con chung: Có hai con chung. Cháu lớn tên là Lê Tiến Đ, sinh ngày 10/02/2007; cháu thứ hai tên là Lê Thị O, sinh ngày 13/08/2009.

Hiện hai cháu do anh T nuôi dưỡng.

Giao anh Lê Tiến T nuôi hai con chung là Lê Tiến Đ, sinh ngày 10/02/2007; cháu Lê Thị O, sinh ngày 13/08/2009.

Chị Trần Thị N đóng góp nuôi con chung mỗi cháu hàng tháng là 1.500.000 đồng. Hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm đóng góp nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị Nhung có quyền đi lại, thăm hỏi con chung. Không ai có quyền ngăn cản.

[4] Tài sản chung: Không có.

[5] Công nợ chung: Không có.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của chị N: Chị Trần Thị N phải trả cho anh Lê Tiến T 30.000.000 đồng, tiền anh T đã trả nợ hộ chị N.

[7]**Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh về án phí lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án .

Chị Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 51; 53, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Lê Tiến T.

Về con chung: Giao anh Lê Tiến T nuôi hai con chung là cháu Lê Tiến Đ, sinh ngày 10/02/2007; cháu Lê Thị O, sinh ngày 13/08/2009.

Chị Trần Thị N đóng góp nuôi con chung mỗi cháu hàng tháng là 1.500.000 đồng. Hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm đóng góp nuôi con chung tính từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi con chung trưởng thành.

Chị N có quyền đi lại, thăm hỏi con chung. Không ai có quyền ngăn cản.

Tài sản chung: Không có.

Công nợ chung: Không có.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nhung: Chị Trần Thị N phải trả cho anh Lê Tiến T 30.000.000 đồng.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01945 ngày 23/12/2019 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn chị Trần Thị N vắng mặt, có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công

khai tại nơi cư trú, tại trụ sở UBND xã Bình Minh, huyện Thanh Oai nơi nguyên đơn cư trú và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:

- *Toà án ND Thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát ND huyện Thanh Oai;*
- *UBND xã Bình Minh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Bá Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thắng